

CÔNG TY CP BÊ TÔNG LY TÂM
ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM BÁO CÁO 2022

KHÁNH HÒA, THÁNG 4/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA
KHANH HOA POWER CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc – xã Vĩnh Phương – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0258. 6256699

Fax : 0258. 6251235

Email : ctybtlt.dlkh@gmail.com

Website : www.kpceco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Phụ lục IV theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA **Năm báo cáo: 2022**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA**

Giấy CN ĐKDN : 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008 (số cũ 3703000358), đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/5/2011.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*)

Vốn chủ sở hữu : **28.102.947.480** đồng

Trụ sở chính: Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc - Xã Vĩnh Phương - Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ giao dịch : Tầng 5, tòa nhà VCN - KĐT Vĩnh Diêm Trung – Tp. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0258. 6256699 - 6251235

Website : www.kpceco.com.vn

Mã cổ phiếu : KCE

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Xí nghiệp xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa với quá trình hình thành và phát triển như sau:

- Tháng 03/1994: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cải tạo Xưởng đúc trụ vuông thuộc Phân xưởng Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa, lắp đặt dây chuyền sản xuất Bê tông ly tâm;

- Tháng 12/1994: Khánh thành Xưởng đúc trụ Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (28E Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) – trực thuộc Đội Xây lắp điện;

- Tháng 05/1997: Xây dựng Xưởng sản xuất Bê tông ly tâm tại số 07 Phạm Phú Thứ, Bình Tân, Nha Trang, Khánh Hòa;

- Ngày 01/07/2005: Điện lực Khánh Hòa tiến hành cổ phần hóa và thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa và đến ngày 15/11/2005 xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực

Khánh Hòa được thành lập dựa trên cơ sở nhân lực của Đội xây lắp điện và Xưởng sản xuất BTLT trực thuộc Xí nghiệp;

- Ngày 27/02/2008: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, trên cơ sở vốn góp của các cổ đông : Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa, Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang và Cán bộ Công nhân viên hai Công ty;

- Ngay sau khi thành lập, Công ty đã tiến hành lập Dự án “Nhà máy Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa” được Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa cấp giấy phép xây dựng vào ngày 19/12/2008 và bắt đầu khởi công thực hiện Dự án tại Lô số C5,6,7,8 khu Công nghiệp Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang vào tháng 12/2008;

- Đầu tháng 01/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiếp nhận toàn bộ nhân sự, thiết bị của Xưởng sản xuất BTLT – Xí nghiệp Xây lắp Công nghiệp Điện lực Khánh Hòa chuyển giao;

- Cuối tháng 04/2009: Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa cơ bản được hoàn thành, tiến hành chạy thử, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Hạng mục di dời máy móc, thiết bị từ Xưởng sản xuất Bình Tân sang Nhà máy mới tại Đắc Lộc cũng được hoàn thành. Nhà máy BTLT ứng lực trước Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động vào tháng 07/2009;

- Ngày 29/07/2009: Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa tiến hành làm Lễ khánh thành Nhà máy sản xuất Bê tông Ly tâm ứng lực trước Khánh Hòa, đánh dấu hoàn thành một dự án lớn, xuyên suốt hoạt động của Công ty;

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2009 ngày 28/5/2009 Đại hội đã thống nhất phương án tăng vốn điều lệ Công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng.

- Ngày 29/12/2009 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 1.

- Ngày 20/5/2011 Công ty đăng ký thay đổi giấy CNĐKKD lần 2 .

- Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch trên sàn UpCom theo quyết định số 11/QĐ-SGDHN ngày 12/01/2011 và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch từ ngày 08/02/2011 với mã cổ phiếu là KCE.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty :

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí;
- Xây lắp công nghiệp;

b. Địa bàn kinh doanh:

- Chủ yếu là cung cấp sản phẩm cho các công trình của TP. Nha Trang, TP. Cam Ranh và các huyện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra Công ty có cung cấp sản phẩm cho một số tỉnh lân cận như:

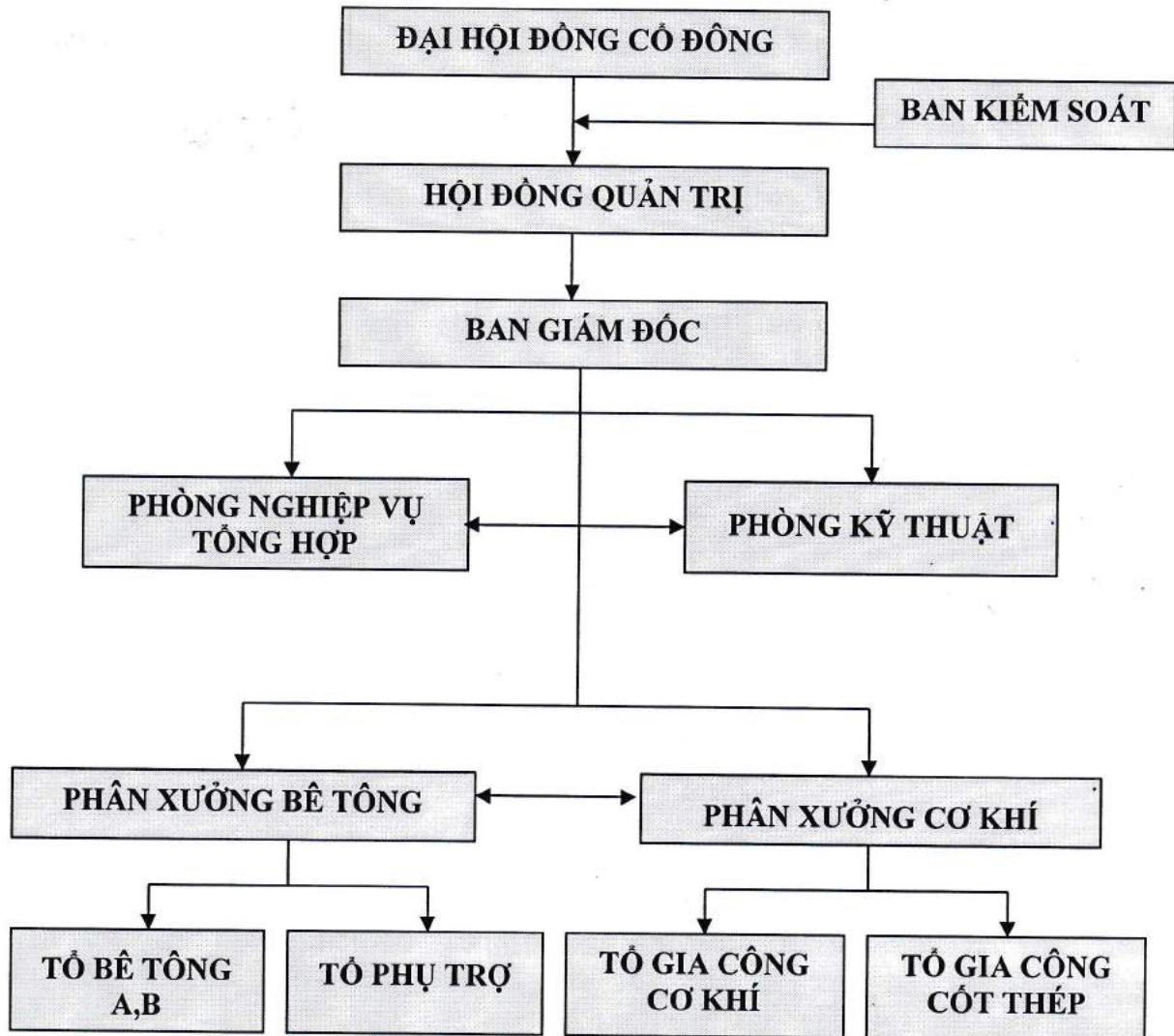
- Tỉnh Ninh Thuận

- Tỉnh Bình Thuận
- Tỉnh Phú Yên.....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

*Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thảo luận và thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức chi trả cổ tức, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, lựa chọn công ty kiểm toán;

- Bầu, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

- Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;

- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

***Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau :

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý, cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành, chào bán trái phiếu, cổ phiếu; bổ nhiệm, cách chức các cán bộ;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;

- Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

- Kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh

***Ban kiểm soát :**

Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

*** Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- Điều hành chung toàn bộ hoạt động của Công ty;
- Chỉ đạo công tác kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm;
- Chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra, thi đua – khen thưởng;
- Chỉ đạo công tác lao động – tiền lương, tuyển dụng lao động;
- Chỉ đạo công tác tài chính – kế toán, kế hoạch vốn, theo dõi cổ đông;
- Chỉ đạo công tác kinh doanh – đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Chỉ đạo công tác quản lý kỹ thuật, kế hoạch vật tư;
- Chỉ đạo công tác soạn thảo, ban hành văn bản, quy định, quy chế trong Công ty.

*** Các phòng ban trong Công ty**

Các phòng ban trong công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

a. Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

- Thực hiện công tác kế toán – tài chính
- Thực hiện công tác Tổ chức – hành chính – văn thư, lao động – tiền lương;
- Thực hiện công tác kinh doanh, đối ngoại, nguồn khách hàng;
- Thực hiện công tác thống kê – kế hoạch - vật tư;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến công tác nói trên.

b. Phòng Kỹ thuật

- Thực hiện công tác quản lý kỹ thuật, định mức vật tư – kỹ thuật;
- Phối hợp với Phân xưởng cơ khí thực hiện Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc;
- Thực hiện công tác kiểm soát, quản lý kỹ thuật sản xuất;
- Thực hiện công tác quản lý chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác an toàn – Bảo hộ lao động;
- Thực hiện công tác soạn thảo văn bản liên quan đến các công tác trên.

c. Khối sản xuất

Khối sản xuất bao gồm hai phân xưởng: Phân xưởng bê tông và Phân xưởng cơ khí.

***Phân xưởng bê tông gồm các tổ:**

Tổ bê tông gồm:

- + Bộ phận tháo sản phẩm, chuẩn bị khuôn
- + Bộ phận đặt cốt thép, nạp bê tông, lắp khuôn.
- + Bộ phận chuẩn bị nguyên vật liệu, xi măng, cát, đá
- + Bộ phận vận hành thiết bị: dàn quay ly tâm, trạm trộn, máy căng thép.

Tổ phụ trợ gồm:

- + Bộ phận vận hành cầu trục, cổng trục
- + Bộ phận vận hành nồi hơi – công tác sấy sản phẩm
- + Bộ phận hoàn thiện sản phẩm, xử lý khuyết tật
- + Bộ phận sắp xếp bãi, bốc dỡ sản phẩm.

Phân xưởng cơ khí gồm các tổ:*Tổ cốt thép gồm:**

- + Bộ phận sản xuất cốt thép cột điện
- + Bộ phận sản xuất cốt thép, cọc cừ
- + Bộ phận sản xuất cốt thép ống cống
- + Bộ phận sản xuất cốt thép cho các loại cấu kiện khác.
- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy cắt dự ứng lực, máy căng thép dự ứng lực.

Tổ gia công cơ khí, sửa chữa gồm:

- + Bộ phận vận hành thiết bị: máy tiện, máy phay, các máy công cụ khác. Gia công các chi tiết cấu kiện cho sản xuất: mặt bích cọc cừ.... Chế tạo các chi tiết cấu kiện thay thế định kỳ: các mặt bích căng, tay trộn....
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị máy móc cơ khí, sửa chữa khuôn đúc.
- + Bộ phận kiểm tra – sửa chữa thiết bị điện.

5. Định hướng phát triển:

Mục tiêu của Công ty :

Mục tiêu trước mắt: Năm 2023 trong tình hình dịch bệnh vẫn chưa ổn định, công ty cố gắng giữ vững thị phần trong khu vực trước áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng có sản phẩm tương tự; Đảm bảo sự ổn định của chất lượng sản phẩm; Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mục tiêu lâu dài: Thực hiện tốt công tác Marketing, mở rộng thị phần: tiếp thu và áp dụng công nghệ mới, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và chủng loại sản phẩm, tổ chức tốt công tác sản xuất ... để Công ty luôn khẳng định vị thế Doanh nghiệp hàng đầu về sản xuất, cung ứng sản phẩm bê tông ly tâm trong khu vực Nam trung bộ. Đầu tư mở rộng, tăng năng lực sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh; Xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển: Trong thời gian tới Công ty tận dụng và phát huy tối đa các lợi thế sẵn có trong kinh doanh của Công ty; Giữ vững chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong sản xuất; Tăng doanh thu những mặt hàng có tính chủ lực, mở rộng thị trường

và chủng loại sản phẩm. Tích cực quan hệ, hợp tác với các đối tác để nắm bắt, tiếp thu, áp dụng công nghệ mới, từng bước đầu tư nghiên cứu chế tạo và ứng dụng sản phẩm mới trong lĩnh vực vật liệu và sản phẩm xây dựng. Duy trì phát triển, ổn định về lợi nhuận và doanh thu hằng năm.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2022, tình hình kinh tế cả nước nói chung và tại Khánh Hòa nói chung sau đại dịch còn nhiều khó khăn, các rủi ro kinh tế đến từ biến động của các yếu tố như lạm phát, tốc độ phát triển kinh tế làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.2 Rủi ro về luật pháp

Việt Nam là một nước đang phát triển, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp chịu sự chi phối trực tiếp của các chính sách pháp luật Việt Nam. Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, Luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, đòi hỏi chính sách Việt Nam cần có sự cập nhật, cải tiến phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp.

6.3 Rủi ro về đặc thù

Là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp, chi phí nguyên vật liệu đầu vào là rất lớn. Năm 2022 với sự biến đổi giá của một số nguyên vật liệu đầu vào, làm giá cả nguyên vật liệu trên thị trường có sự biến động gây ra những tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với đặc thù của ngành như vậy, nên Công ty rất quan tâm và cẩn trọng trong ký kết các hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn để giảm thiểu những thiệt hại do biến động giá gây ra.

Với vai trò là nhà sản xuất sản phẩm bê tông phục vụ cho nhiều đơn vị xây lắp, thi công với các dự án có thời hạn kéo dài thì việc thu hồi nợ từ những hợp đồng xây dựng này phải mất rất nhiều thời gian, phần nào ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu cũng như dòng tiền hoạt động. Tuy nhiên, do không phải là nhà thầu chính nên Công ty có thể giảm thiểu được rủi ro này bằng cách cố gắng theo dõi sát sao và đốc thúc việc thu hồi công nợ đồng thời vẫn duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các đối tác của Công ty.

Sự phát triển kinh tế luôn đi đôi với các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng, dẫn đến việc tiêu thụ một lượng lớn các sản phẩm bê tông ly tâm. Điều này sẽ làm cho lĩnh vực sản xuất bê tông ly tâm trở thành một thị trường hấp dẫn thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia, gây sức ép cạnh tranh đặc biệt là sự cạnh tranh về giá thành đối với Công ty.

6.2. Rủi ro khác

Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất ...v...v... Ngoài ra, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến Công ty như đại dịch covid 19 cùng các hiện tượng thiên tai (*hạn hán, bão lụt, động đất...*), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo... Vì vậy để hạn chế rủi ro trên có thể xảy ra. Công ty đã chủ động mua bảo hiểm sinh mạng cho CB CNV cũng như bảo hiểm tài sản cho Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần	47.000.000.000	49.276.104.876	104,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	2.000.000.000	650.240.559	32,5%
3	Mức chia cổ tức (dự kiến)	10%	3%	

Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2022 cho thấy:

+ Doanh thu thuần thực hiện năm 2022 đạt 104,8% so với kế hoạch, tăng 40,48% so với cùng kỳ năm 2021

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 chỉ đạt 32,5% so với kế hoạch.

Nguyên nhân làm sụt giảm lợi nhuận năm 2022 là do:

Năm 2022 các chi phí nguyên vật liệu tăng đột biến, chi phí bán hàng tăng, làm tăng giá vốn hàng bán nhưng giá thành bán ra cho khách hàng không tăng được do sức cạnh tranh mạnh của các đối thủ cùng ngành.

2. Tổ chức và nhân sự:

* **Danh sách ban điều hành Công ty:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	26/04/2018	
02	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	26/04/2018	
03	Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	31/10/2019	
II.	BAN KIỂM SOÁT			
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban	26/04/2018	
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	31/10/2019	
03	Trịnh Giang Nam	Thành viên	26/04/2018	
III.	BAN GIÁM ĐỐC			
01	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc Công ty	26/04/2018	
02	Nguyễn Thanh Hải	Phó giám đốc	22/04/2016	
03	Võ Trị	Phó giám đốc		01/8/2022
	Võ Trị	Kế toán trưởng	01/08/2022	

* **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

1. Ông : Lê Duy Cửu – Chủ tịch HĐQT

-
- Họ và tên : **LÊ DUY CỬU**
 - Số CCCD : 092076004558 do Cục CS QLHC về TTXH
 - Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 08/12/1976
 - Nơi sinh : Cần Thơ
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
 - Địa chỉ thường trú : Ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ
 - Số điện thoại liên lạc : (076) 393 1184
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh Trường Đại học Cần Thơ.
 - Quá trình công tác:
 - + Năm 1999 – năm 2000 : Nhân viên Công ty Mía Đường Cần Thơ;
 - + Năm 2001 – 08/2003 : Nhân viên Xí nghiệp Bê tông ly tâm An Giang;
 - + 09/2003 – 10/2003 : Nhân viên Công ty Cổ Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2003 – năm 2005: Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2005 – năm 2007: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang;
 - + Năm 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
 - + Năm 2016 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang.
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT KPCECO
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 420.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 30.000 cổ phần
 - + Ủy quyền : 390.000 cổ phần (Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang)

2. Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải – Thành viên HĐQT - Kiêm Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI**
- Số CCCD : 046059003758 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 05/12/2021
- Giới tính : Nam

-
- Ngày sinh : 17/05/1959
 - Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Thừa Thiên Huế
 - Địa chỉ thường trú : 34/2/82 Nguyễn Thiện Thuật, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
 - Số điện thoại liên lạc : (0258) 6256699
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn:
 - + Trung cấp chuyên ngành Kỹ thuật điện Trường Đào tạo Điện lực Khánh Hòa.
 - Quá trình công tác:
 - + Năm 1977 – năm 1981 : Học viên Sở Quản lý và Phân phối điện Phú Khánh
 - + Năm 1981 – năm 1994 : Tổ phó tổ gia công cơ khí PX.Cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1995 – năm 2005 : Quản đốc PX.Bê tông ly tâm – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phó Giám Đốc Xí nghiệp xây lắp tại Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
 - Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc KPCECO
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 15.190 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 15.190 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

3. Ông Phạm Ngọc Quang – Thành viên HĐQT Công ty

- Họ và tên : PHẠM NGỌC QUANG
- Số CMND : 045065000247 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 26/3/2021
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 04/01/1965
- Nơi sinh : Quảng Trị
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 49 Lam Sơn, P. Phước Hòa, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

- Số điện thoại liên lạc : 0903.582.232
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật điện
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/1988 - Năm 1991: Công tác tại đội quản lý đường dây và trạm thuộc phân xưởng lưới điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1991 – tháng 7/2004: Công tác tại đội thí nghiệm – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 8/2004 – tháng 09/2005 : Tổ trưởng tổ thí nghiệm điện – Đội thí nghiệm thuộc Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 10/2005 – tháng 12/2005 : phụ trách đội thí nghiệm – Xí nghiệp cơ điện thí nghiệm - Điện lực Khánh Hòa;
 - + Từ tháng 01/2006 - tháng 11/2007 : Đội trưởng đội thí nghiệm - Xí nghiệp cơ điện thí nghiệm - Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 12/2007 - 02/2013 : Giám đốc Xí nghiệp cơ điện thí nghiệm – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 03/2013 - tháng 03/2017 : Giám đốc Điện lực Cam Lâm – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ tháng 04/2017 đến nay : Giám đốc Điện lực Vĩnh Nguyên – Điện lực Khánh Hòa.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc Điện lực Cam Ranh – Khánh Hòa – Điện lực Khánh Hòa.
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 465.000 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 0 cổ phần
 - + Ủy quyền : 465.000 cổ phần

4. Ông Võ Trị – Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **VÕ TRỊ**
- Số CCCD : 056062005383 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/12/1962
- Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 68 Trần Mai Ninh, P. Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

- Số điện thoại liên lạc : 0905.414234
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Xây dựng Cơ bản Trường Đại học Tài chính TP. HCM.
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1988 – năm 1991 : Kế toán viên tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí xăng dầu TP. Hồ Chí Minh;
 - + Năm 1991 – năm 1999 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp điện II – Xí nghiệp xây dựng;
 - + Năm 1999 – năm 2005 : Kế toán PX.BTLT – đội xây lắp điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : Phụ trách Kế toán Xí nghiệp xây lắp điện Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa;
 - + Năm 2008 – 14/5/2017 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa.
 - + Từ 15/5/2017 – 25/4/2018 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
 - + Từ 26/4/2018 – 31/10/2019 : Thành viên HĐQT KPCECO
 - + Từ 01/11/2019 – 01/8/2022 : Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng KPCECO
 - + Từ 02/8/2022 đến nay : Kế toán trưởng KPCECO
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 179.795 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 179.795 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

5. Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THANH HẢI**
- Số CCCD : 079062023234 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày : 18/5/2022
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/07/1962
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang – Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : 152/3 Hương Lộ Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

- Số điện thoại liên lạc : 0913.499.934
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - + Đại học chuyên ngành cơ khí nông nghiệp trường Đại học Nông nghiệp IV;
 - + Chứng chỉ đào tạo Anh văn TM BEC 1 trung tâm ngoại ngữ Hàn Thuyên;
 - + Chứng chỉ đào tạo Tin học lập trình Tin học SaMis
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1985 – năm 1992 : Nhân viên Xí nghiệp cơ khí tàu thuyền Cam Ranh;
 - + Năm 1992 – năm 1995 : CBKT phân xưởng cơ điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 1996 – năm 2005 : CBKT –P.Quản đốc xưởng SX BTLT thuộc đội XL Điện – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2006 – năm 2008 : P.Quản đốc PX. BTLT – Điện lực Khánh Hòa.
 - + Năm 2008 – năm 2009 : Quản đốc PX.BTLT - Xí nghiệp xây lắp Công Nghiệp - Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa ;
 - + Năm 2009 – nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch : Phó Giám đốc KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 3.100 cổ phần, trong đó:
 - + Cá nhân : 3.100 cổ phần
 - + Ủy quyền : 0 cổ phần

6. Bà : NguyễnThị Thúy Hằng – Trưởng Ban kiểm soát

- Số CCCD : 089178008552 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 16/11/1978
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : 8/18 An Thới, Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc : 0908 831 070
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác:

+ Từ năm 2002 – 07/2003: Nhân viên phòng Kế toán – Công ty Nông súc sản XNK Cần Thơ

+ Từ tháng 07/2003 – 08/2004: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang

+ Từ tháng 09/2004 – 12/2006: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Xây lắp điện – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang

+ Từ tháng 01/2007 – 12/2007: Nhân viên phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang

+ Từ tháng 01/2008 – đến nay: Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang.

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch : Trưởng ban kiểm soát KPCECO
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó phòng Kế toán – Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 0 cổ phần

7. Ông Trịnh Giang Nam – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **TRỊNH GIANG NAM**
- Số CCCD : 056075000544 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 08/04/2021
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/08/1975
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nha Trang, Khánh Hòa
- Địa chỉ thường trú : Số 1A/6 Hàn Thuyên, P. Xương Huân, TP. Nha Trang, Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0914 023 888
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1999 – 6/2005: Kế toán viên tại Điện lực Khánh Hòa
 - + Từ tháng 7/2005 – 6/2007: Kế toán viên tại Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
 - + Từ tháng 7/2007 – 4/2010: Chuyên viên Tài chính kế toán tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
 - + Từ tháng 8/2008 đến nay: Trưởng ban kiểm soát - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
 - + Từ tháng 4/2010 đến nay: Phó trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát, Phó trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp Công ty CP Đầu tư & Phát triển Điện Miền Trung
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền : 0 cổ phần

8. Bà Phan Thị Vân Hà – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **PHAN THỊ VÂN HÀ**
- Số CMND : 022179009657 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 21/10/1979
- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : số 10 khu tập thể Bình Khê, Phước Tân, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0975.082.039
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn:

+ Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán Trường Đại học Kinh tế và Quản Trị Kinh Doanh Đà Nẵng.

- Quá trình công tác:

+ Năm 2001 – tháng 8/2020: Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa

+ Từ tháng 9/2020 – nay : phụ trách kế toán kiêm Trưởng phòng tổng hợp - Điện lực Vĩnh Hải – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: phụ trách kế toán kiêm Trưởng phòng tổng hợp Điện lực Vĩnh Hải – Công ty CP Điện lực Khánh Hòa
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần.

*** Những thay đổi trong ban điều hành :**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
01	Lê Duy Cừu	Chủ tịch HĐQT	26/04/2018	
02	Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	31/10/2019	
03	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	26/04/2018	

II. BAN KIỂM SOÁT				
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng Ban	26/04/2018	
02	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	31/10/2019	
03	Trịnh Giang Nam	Thành viên	26/04/2018	

*** Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tổng số cán bộ, nhân viên Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 73 người, trong đó :

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo đối tượng lao động		
1	Lao động gián tiếp	17	23,29 %
2	Lao động trực tiếp	56	76,71%
Tổng cộng		73	100 %
II	Phân theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học	07	9,59 %
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	13	17,81%
3	Trình độ sơ cấp	04	5,48 %
4	Công nhân có tay nghề	07	9,59%
5	Lao động phổ thông	42	57,53%
Tổng cộng		73	100%

Chế độ làm việc và chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động:

+ Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ/ngày đối với bộ phận làm việc theo giờ hành chính hoặc 7 giờ/ca đối với bộ phận làm việc theo ca.

Hàng tuần CB - CNV được nghỉ 01 ngày trong tuần do trường đơn vị quy định. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty mà trường đơn vị có thể yêu cầu CB - CNV trong đơn vị mình làm việc vào ngày nghỉ trong tuần và được tính lương theo qui định của bộ luật lao động .

Các chế độ nghỉ lễ, tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước.

+ Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức: lương thời gian, lương sản phẩm và lương khoán công việc. Công ty thực hiện phân phối lương theo lao động: người làm công việc nào thì được trả lương theo công việc đó. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động đã ban hành.

+ Chế độ phúc lợi

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng bảo hiểm xã hội. Đồng thời, Công ty cũng làm nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ và đúng hạn cho các cơ quan bảo hiểm xã hội.

+ Chính sách đào tạo

Đa số công nhân lao động của Công ty thực hiện các công đoạn sản xuất từ dây chuyền thủ công chuyển sang thực hiện vận hành sản xuất trên dây chuyền cơ khí hóa công nghiệp. Vì vậy việc chuyển đổi, tiếp nhận và đào tạo, bồi dưỡng tay nghề cho công nhân là vấn đề được Công ty quan tâm hàng đầu.

Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy năng lực cũng như thường xuyên trau dồi chuyên môn của mình. Nâng cao các kỹ năng thao tác cho công nhân trực tiếp sản xuất; Kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị cho CBCNV thuộc các bộ phận trực tiếp đứng máy và kỹ năng, nghiệp vụ của CBCNV các bộ phận quản lý khác như kỹ thuật, vật tư, tài chính, tổ chức, kế hoạch sản xuất....

Toàn bộ CB CNV đều được huấn luyện an toàn lao động - vệ sinh lao động

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch cử các cán bộ chủ chốt, cán bộ quản lý cấp trung, chuyên viên tham gia các lớp học quản lý phù hợp với nhiệm vụ và khả năng phát triển trong hoạt động chung của công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

3.1. Các khoản đầu tư : chỉ thực hiện 1 phần đầu tư mua sắm theo kế hoạch

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch (đồng)	Thực hiện(đồng)	TH/KH
01	Mua sắm khuôn các loại và một số thiết bị khác PVSX	1.000.000.000	450.037.273	45%

- Tình hình thực hiện đầu tư năm 2022 đạt 45% so với kế hoạch. Do nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2022 vẫn còn nhiều khó khăn, các công trình công, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh vẫn còn hạn chế nên không đầu tư thêm. Kế hoạch một số hạng mục cần thực hiện thêm nhằm mở rộng nhà xưởng năm 2022 cũng chưa triển khai thực hiện.

3.2. Công ty liên kết :

3.2.1. Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	181.932.983.366	175.058.817.104	96,22
Doanh thu thuần	251.196.194.286	313.255.988.102	124,71
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.252.563.471	21.236.659.773	84,10
Lợi nhuận khác	(1.318.668.497)	314.062.150	
Lợi nhuận trước thuế	23.933.894.974	21.550.721.923	90,04
Lợi nhuận sau thuế	19.224.555.979	17.253.937.538	89,75

3.2.2. Công ty CP Điện lực Khánh Hòa

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ (%)
Tổng giá trị tài sản	2.145.532.682.472	2.170.738.304.023	101,17
Doanh thu thuần	4.361.399.276.305	5.163.639.671.006	118,39
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.024.613.601	66.887.663.659	128,57
Lợi nhuận khác	4.077.152.515	6.857.855.273	168,20
Lợi nhuận trước thuế	56.101.766.116	73.745.518.932	131,45
Lợi nhuận sau thuế	48.033.239.959	59.013.313.030	122,86

4. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài chính:

STT	Các chỉ tiêu chính	Năm 2021	Năm 2022	tăng giảm (%)
01	Tổng giá trị tài sản	33.328.531.797	31.660.423.604	94,99
02	Doanh thu thuần	35.077.219.358	49.276.104.876	140,48
03	Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.594.703.819	964.376.596	60,47
04	Lợi nhuận khác	(430.584.313)	(100.264.068)	23,29
05	Lợi nhuận trước thuế	1.164.119.506	864.112.528	74,23
06	Lợi nhuận sau thuế	985.474.414	577.823.268	58,63

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	Năm 2021	NĂM 2022	GHI CHÚ
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	4,15	5,53	
2	Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,17	2,88	
II	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,14	0,11	
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,17	0,13	
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq)		3,45	4,36	
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		1,05	1,56	
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	2,80	1,16	
2	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	%	3,46	2,06	
3	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%	2,96	1,83	
4	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,55	1,96	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

Tổng số cổ phần theo từng loại : 1.500.000 cổ phần, tất cả là cổ phần thường, không có cổ phần ưu đãi.

Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại : 1.500.000CP là cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số Cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổ chức trong nước	02	855.000	57,0
1.1	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	1	465.000	31,0
1.2	Công ty CP Bê tông ly tâm An giang	1	390.000	26,0
2	Tổ chức nước ngoài	1	1.000	0,07
3	Cá nhân trong nước	153	643.800	42,92
3.1	Cổ đông là CBCNV trong Công ty	23	265.085	17,67
3.2	Cổ đông là CBCNV Công ty CP BTLT An Giang	08	76.700	5,11
3.3	Cổ đông là CBCNV Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	72	156.915	10,46
3.4	Cổ đông ngoài 2 Công ty liên kết	52	145.100	9,67
4	Cá nhân người nước ngoài	01	200	0,01
	Tổng cộng(1+2)	159	1.500.000	100,00%

Tính đến 20/3/2023 cổ đông của Công ty có: 159 cổ đông

+ Trong nước: 155 cá nhân và 02 tổ chức

+ Nước ngoài: 01 tổ chức và 01 cá nhân

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : năm 2022 : 28.102.947.480 đồng

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : năm 2022 không phát sinh

e. Các chứng khoán khác : năm 2022 không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải và cũng triển khai lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải ra môi trường đúng quy định. Thực hiện thu gom xử lý chất thải theo đúng quy định, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, chất thải, khói bụi ra môi trường xung quanh, hàng năm Công ty đều thực hiện thu mẫu 2 lần trên năm và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2 với đơn vị quản lý.

6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu: Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng : Nguồn nguyên liệu tháp dự ứng lực là nguồn nguyên liệu được nhập khẩu, các nguyên liệu khác như: cát , đá, xi măng, phụ gia.... Được mua từ các nhà cung cấp trong nước. Các nguyên vật liệu được nhập kho và bảo quản, sử dụng theo đúng quy định của nhà sản xuất.

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ là 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Hiện Công ty đang sử dụng hệ thống điện từ nguồn điện lưới điện quốc gia.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng : nguồn nước sử dụng cho sản xuất sản phẩm và nguồn nước sinh hoạt cho người lao động được Công ty CP Cấp thoát nước Khánh Hòa cung cấp.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 0

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : 0 đồng

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động :

- Số lượng lao động bình quân trong năm : 75 CNV

- Mức lương bình quân đối với người lao động năm 2022: 8.780.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/ năm, thực hiện khám bệnh nghề nghiệp cho các bộ phận liên quan theo quy định; hàng tháng Công ty có hỗ trợ độc hại cho CNV bằng hiện vật. Hàng quý đều cấp bảo hộ lao động cho CNV đầy đủ, mỗi năm đều trang bị quần áo, mũ nón, giày bảo hộ cho bộ phận sản xuất trực tiếp theo đúng quy định.

Trong năm 2022 tình hình dịch bệnh covid 19 tại Khánh Hòa đã kiểm soát, ổn định nhưng Công ty vẫn duy trì thực hiện các biện pháp phòng chống dịch cho NLD theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan y tế.

-Hoạt động đào tạo người lao động : Hàng năm vào đầu năm Công ty thuê đơn vị chuyên ngành bồi dưỡng, huấn luyện quy trình vận hành, an toàn cho NLD; bộ phận phụ trách PCCC được huấn luyện hàng năm.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2022: Doanh thu thuần tăng 68,38% so với năm 2021, doanh thu tăng từ hoạt động bán sản phẩm công bê tông ly tâm, giảm nhiều nhất ở doanh thu cung cấp cọc và dịch vụ ép cọc.

Trước những khó khăn chung cùng nhiều tác động khác tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty. Với sự nỗ lực của toàn thể CB CNV Công ty, sự chỉ đạo điều hành kịp thời của HĐQT, Ban Giám đốc vừa duy trì, ổn định việc làm, vừa đảm bảo an toàn về sức khỏe cho NLĐ và cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đã đề ra.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản : Năm 2022 có thực hiện đầu tư một số hạng mục (chi tiết theo mục 3, II) để phục vụ cho việc sản xuất đạt hiệu quả hơn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Về nợ phải thu xấu (đã quá hạn): Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Cụ thể như sau:

Stt	Khách hàng	Số dư tại 31/12/2022	Số dự phòng đã trích 01/1/2022-30/6/2022	Số tiền đã thu đến 31/12 năm 2022 trong phần trích dự phòng	Số dự phòng còn lại phải trích đến 31/12 năm 2022	Ghi chú
1.	Cty CP Xây Dựng Tổng hợp Nha Trang	212.611.082		(8.076.191)	-	
2.	Cty TNHH SX TM XNK Đại Hưng Phát	585.121.603			-	Nợ 31/12/2016, Có quyết định tòa án
3.	Cty TNHH MTV ACC Nha Trang (HĐ 13/2018)	42.314.629			-	Nợ 01/6/2018
4.	XN XL 10- Tổng Cty 319 (HĐ 80/2016	290.019.854			-	Nợ 18/10/2017-Ko có đối chiếu công nợ
5.	Cty TNHH ĐT XD Phương Huy	30.856.067	6.171.213		0	Nợ tháng 31/3/2020
6.	Cty TNHH Nhật Tùng			(28.978.562)	-	Nợ 30/12/2020-có đối chiếu công nợ
7.	Cty TNHH XD và TM Hà Châu	68.464.996			34.232.498	
8.	Cty TNHH Anh Cường (HĐ 20/2021)	86.231.662			25.869.499	
9.	Cty TNHH XD IVCON (HĐ 01/2021)	29.704.000			14.852.000	Nợ 30/9/2021
					-	
	Cộng	1.345.323.893	6.171.213	(37.054.753)	74.953.997	

b. Tình hình nợ phải trả :

Năm 2022 tình hình tài chính và vốn lưu động của Công ty ổn định, vì vậy khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty không có vấn đề và biến động gì. Thực hiện nợ phải trả đúng thời hạn cam kết trong hợp đồng cho nhà cung cấp.

NỢ PHẢI TRẢ	01/01/2022	31/12/2022
Nợ ngắn hạn	4.817.933.171	3.557.476.124
Phải trả người bán ngắn hạn	2.881.339.270	1.672.223.026
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	341.201.621	337.292.283
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	183.269.567	332.722.210
Phải trả người lao động	440.737.188	335.820.807
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	706.658.045	752.814.360
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	264.727.480	126.603.438
Nợ dài hạn	-	-
Phải trả người bán dài hạn	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG	4.817.933.171	3.557.476.124

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã sắp xếp, tổ chức dây chuyền sản xuất phù hợp sản xuất. Góp phần duy trì gắn kết của người lao động đối với Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Dự báo năm 2023 nền kinh tế chung tăng trưởng chậm, nhiều khó khăn do lạm phát tăng, nhiều rủi ro, xung đột, lãi suất tăng, sức cạnh tranh về giá bán của các đối thủ cùng ngành gay gắt. Giá cả một số nguyên vật liệu như sắt, cát đá, xi măng, nhiên liệu xăng dầu... xu hướng ngày càng tăng. Để thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và trong tương lai công ty cần thực hiện các giải pháp sau:

- Tổ chức tốt công tác sản xuất, điều chỉnh và bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý, tăng cường đầu tư trang thiết bị để tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

- Bảo đảm an toàn lao động, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy trình vận hành sản xuất, phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động và rủi ro kinh doanh.

- Tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, tiếp cận và chủ động tìm kiếm khách hàng, tìm nguồn thông tin, theo dõi tiến độ triển khai các dự án của tỉnh để xúc tiến thương thảo và ký kết được các hợp đồng cung cấp sản phẩm bê tông.

- Tăng cường công tác quản trị công ty, duy trì và đảm bảo hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015. Tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng máy móc thiết bị đã đầu tư xây dựng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: *không*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty :

- Công ty chủ trương sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, thực hiện chủ trương tiết kiệm điện, nước trong hoạt động sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương, giữ gìn môi trường xung quanh. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quy định xử lý nước thải ra môi trường, giảm tiếng ồn hạn chế sự ảnh hưởng đến môi trường cộng đồng dân cư xung quanh.

- Công ty luôn quan tâm, chăm lo và thực hiện đầy đủ các chế độ, quyền lợi của NLĐ. Ổn định thu nhập cho NLĐ. Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ cho NLĐ các chế độ phúc lợi như : hiếu hỷ, ốm đau, khó khăn, bảo hiểm sinh mạng ...

- Về địa phương : Công ty tham gia đóng góp ủng hộ quỹ khuyến học cho địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong tình hình chung năm 2022, tình hình kinh tế đang phục hồi dần sau đại dịch covid 19, Công ty còn gặp nhiều khó khăn. HĐQT đã thường xuyên, sâu sát kiểm tra, bàn bạc, chỉ đạo Công ty giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, các khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và xây dựng Công ty.

Năm 2022, HĐQT Công ty cùng với sự nỗ lực của Ban giám đốc, đội ngũ cán bộ quản lý và sự góp sức của tập thể NLĐ Công ty đã tiếp tục tổ chức tương đối tốt công tác sản xuất kinh doanh sản phẩm BTLT trên cơ sở thiết bị, công cụ đã được đầu tư, duy trì hoạt động sản xuất ổn định. Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ cũng như điều hành các công tác quản lý Công ty theo đúng các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT Công ty ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám đốc và sự đoàn kết, cố gắng của tất cả CBCNV toàn Công ty trong năm qua đã cùng HĐQT hoàn thành tốt công tác xây dựng Nhà máy sản xuất, xây dựng Công ty và tổ chức khá tốt công tác sản xuất trong giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Tình hình hoạt động CN trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách như: giá cả hàng hóa vẫn chịu tác động của nhiều yếu tố trong nước và thế giới, tình hình thời tiết thất thường, xăng dầu, nguyên vật liệu tăng cao...

Vì vậy, năm 2023 Công ty vẫn tiếp tục duy trì tổ chức SXKD các sản phẩm truyền thống đáp ứng yêu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng của thị trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận một số dự án khu dân cư và các công trình công đang được triển khai và thực hiện. Sửa đổi bổ sung các quy định quy chế quản lý phù hợp với quy định hiện hành nhằm minh bạch trong quản lý điều hành và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh. Tiếp tục giữ vững thị trường, ổn định tiền lương và từng bước cải thiện thu nhập cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch	30.000	0,02	Thành viên không điều hành

		HĐQT			- Giám đốc tại ACE
02	Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT, Giám đốc	15.190	0,01	Thành viên điều hành – Giám đốc KCE
03	Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	10	0,00001	Thành viên không điều hành - Giám đốc Điện lực Cam Ranh – Khánh Sơn – KHP

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : *không có*

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm HĐQT đã thực hiện 6 cuộc họp với Ban giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động và có hướng chỉ đạo kịp thời để đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả. Hội đồng quản trị thông qua 14 nghị quyết và quyết định về phê duyệt kết quả đầu tư, tổ chức đại hội cổ đông, triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, phê duyệt đơn giá tiền lương, chọn công ty kiểm toán BCTC, trả cổ tức, ... Các nghị quyết, quyết định của HĐQT thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đoàn kết, phối hợp tốt trong điều hành sản xuất. Năm 2022 không có khiếu kiện gì liên quan đến công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/2022/QĐ-HĐQT-KCE	22/01/2022	Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương Công ty năm 2021
02	02/2022/QĐ-HĐQT-KCE	22/01/2022	Quyết định phê duyệt V/v Trích lập quỹ dự phòng phải thu nợ khó đòi năm 2021
03	03/2022/NQ-HĐQT-KCE	04/03/2022	Nghị quyết V/v Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
04	04/2022/QĐ-HĐQT-KCE	05/03/2022	Quyết định thành lập Ban tổ chức tổ chức
05	05/2022/NQ-HĐQT-KCE	27/04/2022	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
06	06/2022/ QĐ-HĐQT-KCE	28/04/2022	Quyết định phân chia mức thưởng năm 2021 theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022
07	07/2022/NQ-HĐQT-KCE	01/08/2022	NQ Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2022
08	08/2022/ QĐ-HĐQT-KCE	01/08/2022	QĐ Thôi nhiệm chức vụ phó giám đốc Công ty
09	09/2022/ QĐ-HĐQT-KCE	01/08/2022	QĐ Bổ nhiệm người phụ trách quản trị Cty
10	10/2022/ NQ-HĐQT-KCE	01/08/2022	NQ Chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông
11	11/2022/ NQ-HĐQT-KCE	01/08/2022	NQ Ban hành Quy chế công bố thông tin
12	12/2022/ QĐ-HĐQT-KCE	02/08/2022	QĐ Chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2022
13	13/2022/ NQ-HĐQT-KCE	09/08/2022	NQ Chấp thuận hợp đồng với bên liên quan – ACE
14	14/2022/ NQ-HĐQT-KCE	09/08/2022	NQ Chấp thuận hợp đồng với bên liên quan – KHPC

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và tiểu ban hội đồng quản trị : không

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm 2022: không

2. Ban kiểm soát:**a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
01	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng ban	0	0	
02	Trịnh Giang Nam	Thành viên	0	0	
03	Phan Thị Vân Hà	Thành viên	0	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua; Giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty; Ban giám đốc công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận kiểm tra sổ sách kế toán, tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty; phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành trong việc đánh giá thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**a. Thù lao, tiền thưởng của HĐQT và BKS:**

TT	Tên	Chức vụ	Tiền thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				
1	Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	10.000.000	82.000.000
2	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	TV HĐQT, Giám đốc	48.000.000		48.000.000
3	Phạm Ngọc Quang	TV HĐQT	48.000.000	8.000.000	56.000.000
II	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	48.000.000	10.000.000	58.000.000
2	Trịnh Giang Nam	TV BKS	24.000.000	5.000.000	29.000.000
3	Phan Thị Vân Hà	TV BKS	24.000.000	5.000.000	29.000.000

b. Lương, tiền thưởng và các khoản lợi ích khác của Ban giám đốc:

TT	Tên	Chức vụ	Thu nhập	Tiền thưởng	Tổng cộng
1	Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	355.947.184	30.000.000	385.947.184
2	Võ Trị	Phó giám đốc, KTT	237.624.326	13.000.000	250.624.326
3	Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	235.275.072	13.000.000	248.275.072

c. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không phát sinh

d. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ : không phát sinh

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : theo đúng quy định.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – CN Hà Thành.

1. Ý kiến kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty CP Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: bảng CĐKT; Báo cáo KQHĐKD; Báo cáo LCTT; Bảng TMBCTC chi tiết (đã được gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đã được công bố thông tin trên website của Công ty tại địa chỉ : <http://www.kpceco.com.vn>).

XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIAM ĐỐC



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.669.677.133	19.980.219.962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.871.264.388	3.910.484.998
1. Tiền	111		3.871.264.388	3.910.484.998
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.253.236.049	6.424.207.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.387.440.893	7.225.876.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.720.000	29.234.137
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	61.695.568	351.647.640
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.226.620.412)	(1.182.549.955)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	9.417.798.040	9.513.675.189
1. Hàng tồn kho	141		9.417.798.040	9.513.675.189
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127.378.656	131.851.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	104.248.913	131.851.870
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		23.129.743	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.990.746.471	13.348.311.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.338.000	18.338.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		18.338.000	18.338.000
II. Tài sản cố định	220		11.559.615.813	13.226.845.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.238.490.815	10.842.128.440
- Nguyên giá	222		47.582.891.679	47.132.854.406
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.344.400.864)	(36.290.725.966)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	2.321.124.998	2.384.717.462
- Nguyên giá	228		3.309.623.271	3.309.623.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(988.498.273)	(924.905.809)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		412.792.658	103.127.933
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	412.792.658	103.127.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.660.423.604	33.328.531.797



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.557.476.124	4.817.933.171
I. Nợ ngắn hạn	310		3.557.476.124	4.817.933.171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.672.223.026	2.881.339.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		337.292.283	341.201.621
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	332.722.210	183.269.567
4. Phải trả người lao động	314		335.820.807	440.737.188
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	752.814.360	706.658.045
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.603.438	264.727.480
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.102.947.480	28.510.598.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	28.102.947.480	28.510.598.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.525.124.212	12.525.124.212
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		577.823.268	985.474.414
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		577.823.268	985.474.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.660.423.604	33.328.531.797

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng



Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.657.163.805	35.200.983.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	381.058.929	123.764.074
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	49.276.104.876	35.077.219.358
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.263.358.974	29.059.561.653
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.012.745.902	6.017.657.705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	103.057.887	8.332.124
7. Chi phí tài chính	22	6.4	53.063.673	63.108.314
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	63.108.314
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	4.915.094.894	2.468.586.235
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	2.183.268.626	1.899.591.461
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		964.376.596	1.594.703.819
11. Thu nhập khác	31	6.7	-	315.315.000
12. Chi phí khác	32	6.7	100.264.068	745.899.313
13. Lợi nhuận khác	40	6.7	(100.264.068)	(430.584.313)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		864.112.528	1.164.119.506
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	286.289.260	178.645.092
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		577.823.268	985.474.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	385	500

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Trị

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

0004
KI
AFC
- C
H
94 Đ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		864.112.528	1.164.119.506
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.117.267.362	2.311.566.493
- Các khoản dự phòng	03		44.070.457	(764.722.950)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(103.057.887)	(323.647.124)
- Chi phí lãi vay	06		-	63.108.314
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.922.392.460	2.450.424.239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.126.901.399	(188.101.197)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		95.877.149	(2.159.810.212)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.121.649.035)	(694.682.654)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(282.061.768)	84.581.470
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(63.108.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(319.551.375)	(276.713.935)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(364.150.054)	(485.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.057.758.776	(1.332.910.603)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(450.037.273)	(208.884.422)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103.057.887	8.332.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(346.979.386)	(200.552.298)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(750.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(750.000.000)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.960.779.390	(3.333.462.901)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.910.484.998	7.243.947.899
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	7.871.264.388	3.910.484.998

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng



Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

39/03/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Điện lực Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200742214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19/03/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 20/05/2011.

Vốn điều lệ của Công ty là: 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng chẵn). Tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Lô C5,6,7,8 Khu CN Đắc Lộ, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 72 người (tại ngày 31/12/2021 là: 79 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

5
T
HH
TO
ET
NH
HÀ
- 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12/12/2022
M
NHA TRANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 25 năm
- Máy móc thiết bị 03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... và do cổ đông sáng lập góp vốn. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính 7 năm.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí giao hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

10000
CỔ
KIẾ
FC
- CT
HÀ
ĐI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

195
V.G.
NHI
M.T
T.E.
I.N.
T.H.
H.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

5.1. Tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	253.565.059	372.919.023
Tiền gửi ngân hàng	3.617.699.329	3.537.565.975
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	-
Cộng	<u>7.871.264.388</u>	<u>3.910.484.998</u>

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa với lãi suất 5,6%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Đầu tư VCN	-	414.359.000
- Công ty TNHH TMDV- Xây dựng Khánh Vĩnh	-	1.118.399.000
- Công ty TNHH XD Thương Mại Hà Châu	68.464.996	385.899.996
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Hạ tầng Kỹ thuật	118.079.200	597.075.209
- Công ty TNHH SX-TM-XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	585.121.603
- Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	-	386.100.000
- Công ty TNHH Sao Thăng Bẫy Việt Nam	-	400.952.680
- Công ty TNHH Doosan Enerbility Việt Nam	764.094.083	-
- Công ty Cổ phần VICT	337.159.470	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.514.521.541	3.337.968.595
Cộng	<u>3.387.440.893</u>	<u>7.225.876.083</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Trong đó Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	-	386.100.000
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	-	293.470.004

5.3. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Ngắn hạn	61.695.568	-	351.647.640	-
- Tạm ứng	27.000.000	-	138.000.000	-
- Thuế TNCN người lao động	7.362.028	-	186.677.640	-
- Các khoản phải thu khác	27.333.540	-	26.970.000	-
b. Dài hạn	18.338.000	-	18.338.000	-
- Đặt cọc thuê văn phòng	18.338.000	-	18.338.000	-
Cộng	80.033.568	-	369.985.640	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.4. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
- Công ty TNHH SXTM XNK Đại Hưng Phát	585.121.603	-	585.121.603	585.121.603
- Công ty TNHH MTV ACC Nha Trang	42.314.629	-	42.314.629	42.314.629
- Xí nghiệp Xây lắp 10 - Tổng Công ty 319	290.019.854	-	290.019.854	290.019.854
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Phương Huy	30.856.067	9.256.820	21.599.247	30.856.067
- Công ty CP Xây dựng tổng hợp Nha Trang	212.611.082	-	212.611.082	220.687.273
- Công ty TNHH Nhật Tùng	-	-	-	96.595.207
- Công ty TNHH XD và TM Hà Châu	68.464.996	34.232.498	34.232.498	-
- Công ty TNHH Anh Cường	86.231.662	60.362.163	25.869.499	-
- Công ty TNHH Xây dựng IVCON	29.704.000	14.852.000	14.852.000	-
Cộng	1.345.323.893	118.703.481	1.226.620.412	1.265.594.633

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(1.182.549.955)	(1.947.272.905)
Tăng dự phòng	(81.125.210)	(265.821.043)
Hoàn nhập	37.054.753	559.732.263
Xoá nợ trong năm	-	470.811.730
Số dư cuối năm	(1.226.620.412)	(1.182.549.955)

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	(1.182.549.955)	(1.947.272.905)
Tăng dự phòng	(81.125.210)	(265.821.043)
Hoàn nhập	37.054.753	559.732.263
Xoá nợ trong năm	-	470.811.730
Số dư cuối năm	(1.226.620.412)	(1.182.549.955)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.994.417.837	-	2.839.807.500	-
- Thành phẩm	6.924.546.935	-	5.702.530.545	-
- Hàng hóa	498.833.268	-	971.337.144	-
Cộng	9.417.798.040	-	9.513.675.189	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn	104.248.913	131.851.870
- Công cụ dụng cụ phân bổ	14.821.781	8.375.000
- Chi phí sửa chữa	28.187.119	21.683.336
- Các khoản khác	61.240.013	101.793.534
b. Dài hạn	412.792.658	103.127.933
- Công cụ dụng cụ phân bổ	45.785.987	54.259.644
- Chi phí sửa chữa	352.500.007	48.868.289
- Các khoản khác	14.506.664	-
Cộng	517.041.571	234.979.803

5.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	14.577.455.269	26.701.971.437	5.853.427.700	47.132.854.406
Mua trong năm	-	450.037.273	-	450.037.273
Số dư cuối năm	14.577.455.269	27.152.008.710	5.853.427.700	47.582.891.679
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	8.101.937.929	22.469.396.647	5.719.391.390	36.290.725.966
Khấu hao trong năm	654.294.780	1.308.095.515	91.284.603	2.053.674.898
Số dư cuối năm	8.756.232.709	23.777.492.162	5.810.675.993	38.344.400.864
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	6.475.517.340	4.232.574.790	134.036.310	10.842.128.440
Tại ngày cuối năm	5.821.222.560	3.374.516.548	42.751.707	9.238.490.815

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu còn vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 23.132.939.415 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Số dư cuối năm	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	794.905.809	130.000.000	924.905.809
Khấu hao trong năm	63.592.464	-	63.592.464
Số dư cuối năm	858.498.273	130.000.000	988.498.273
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.384.717.462	-	2.384.717.462
Tại ngày cuối năm	2.321.124.998	-	2.321.124.998

ĐAA
C
KH
FC
- CI
HI
ĐH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5.6,7,8 Khu CN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Mẫu số B 09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Thịnh Đức Tiến	327.142.500	327.142.500	293.410.000	293.410.000
- Công ty TNHH Vận tải Trần Ngọc Anh	137.434.680	137.434.680	233.751.000	233.751.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Việt Hưng Phát	236.467.460	236.467.460	194.586.348	194.586.348
- Công ty TNHH thép Povina	-	-	932.809.020	932.809.020
- Công ty CP kỹ thuật nền móng	-	-	253.109.200	253.109.200
- Công ty TNHH TV Chánh Hằng - CN Nha Trang	-	-	363.007.000	363.007.000
- Công ty TNHH MTV Sáu Sang	263.565.060	263.565.060	104.035.800	104.035.800
- Các khách hàng khác	707.613.326	707.613.326	506.630.902	506.630.902
Cộng	1.672.223.026	1.672.223.026	2.881.339.270	2.881.339.270

Số dư với bên liên quan xem chi tiết thuyết minh 7.3

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Phải thu đầu năm	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	150.441.924	1.010.817.711	866.480.549	-	294.779.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.132.372	286.289.260	319.551.375	23.129.743	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.695.271	104.018.412	102.169.669	-	24.544.014
Các loại thuế khác	-	-	105.601.058	92201948	-	13.399.110
Cộng	-	183.269.567	1.506.726.441	1.380.403.541	23.129.743	332.722.210

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Kinh phí công đoàn	55.378.672	9.222.357
- Phí đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Đắc Lộc	697.435.688	697.435.688
Cộng	<u>752.814.360</u>	<u>706.658.045</u>

5.12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC				
Số dư tại 01/01/2021	15.000.000.000	12.525.124.212	2.550.206.247	30.075.330.459
Lãi trong năm	-	-	985.474.414	985.474.414
Chia cổ tức	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(750.206.247)	(750.206.247)
Số dư tại 31/12/2021	15.000.000.000	12.525.124.212	985.474.414	28.510.598.626
NĂM NAY				
Số dư tại 01/01/2022	15.000.000.000	12.525.124.212	985.474.414	28.510.598.626
Lãi trong năm	-	-	577.823.268	577.823.268
Chia cổ tức	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(235.474.414)	(235.474.414)
Số dư tại 31/12/2022	15.000.000.000	12.525.124.212	577.823.268	28.102.947.480

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	4.650.000.000	4.650.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	3.900.000.000	3.900.000.000
Các cổ đông khác	6.450.000.000	6.450.000.000
Cộng	<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

Các giao dịch về vốn góp của chủ sở hữu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	750.000.000	1.800.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND*

5.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Công ty TNHH XD Thịnh Hoàng	619.136.760	619.136.760
Công ty TNHH TV Kiến Trúc Xây dựng ADC	138.062.504	138.062.504
Công ty CP ĐT & XD HUD 3	409.658.812	409.658.812
Công ty CP ĐT & XD HUD 1.02	553.178.470	553.178.470
Công ty TNHH MTV Điện tử Ngân Thanh	42.016.808	42.016.808
Công ty CP TV Quản Lý XD CMC	28.741.232	28.741.232
Công ty TNHH ĐT & XD Tân Nam Giang	270.115.840	270.115.840
DNTN Quốc Tiến	200.695.890	200.695.890
Công ty TNHH TV & XD Hải Long	252.097.302	252.097.302
Cộng	2.513.703.618	2.513.703.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

6.1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	49.657.163.805	35.200.983.432
Doanh thu bán hàng hóa	3.848.325.966	1.645.953.597
Doanh thu bán các thành phẩm	44.608.334.828	33.156.599.335
Doanh thu cung cấp cọc	365.790.000	187.854.480
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	275.243.011	52.376.015
Doanh thu dịch vụ ép cọc	559.470.000	158.200.005
Các khoản giảm trừ doanh thu	381.058.929	123.764.074
Giảm giá hàng bán	-	12.302.719
Hàng bán bị trả lại	381.058.929	111.461.355
Doanh thu thuần	49.276.104.876	35.077.219.358
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	19.572.726	2.660.322.797

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.652.023.876	1.320.337.044
Giá vốn thành phẩm bê tông ly tâm	37.485.618.771	27.372.689.924
Giá vốn cung cấp cọc	389.341.311	174.658.266
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	209.839.816	41.724.145
Giá vốn dịch vụ ép cọc	526.535.200	150.152.274
Cộng	41.263.358.974	29.059.561.653

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	103.057.887	8.332.124
Cộng	103.057.887	8.332.124

6.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính khác	53.063.673	-
Chi phí lãi vay	-	63.108.314
Cộng	53.063.673	63.108.314



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.689.174.845	1.991.672.195
Chi phí khác bằng tiền	225.920.049	476.914.040
Cộng	<u>4.915.094.894</u>	<u>2.468.586.235</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	924.021.409	708.846.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.852.285	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.228.403	-
Thuế, Phí, Lệ phí	163.404.397	101.667.152
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	44.070.457	(293.911.220)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.295.926	136.189.271
Chi phí khác bằng tiền	826.395.749	1.246.799.648
Cộng	<u>2.183.268.626</u>	<u>1.899.591.461</u>

6.7. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	<u>-</u>	<u>315.315.000</u>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	315.315.000
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	<u>100.264.068</u>	<u>745.899.313</u>
Tiền phạt, chậm nộp thuế	74.731.068	84.492
Chi phí khác	25.533.000	745.814.821
Lợi nhuận khác	<u>(100.264.068)</u>	<u>(430.584.313)</u>

IAAR
CỔ
T
KIỂM
C V
CHI
HÀ
D/VI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	864.112.528	1.164.119.506
Điều chỉnh tăng	194.731.068	120.084.492
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	74.731.068	84.492
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	120.000.000	120.000.000
Điều chỉnh giảm	-	8.167.625
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	8.167.625
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	1.058.843.596	1.276.036.373
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.058.843.596	1.276.036.373
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	211.768.719	255.207.275
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	-	(76.562.183)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	74.520.541	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	286.289.260	178.645.092

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.888.159.980	16.715.203.836
Chi phí nhân công	9.540.118.908	7.575.059.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.117.267.362	2.311.566.493
Chi phí dịch vụ hoạt động ép cọc	526.535.200	150.152.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.675.948.894	3.576.370.854
Chi phí khác bằng tiền	2.929.774.391	3.304.866.928
Chi phí dự phòng	44.070.457	(293.911.220)
Cộng	46.721.875.192	33.339.308.250

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	577.823.268	985.474.414
Các khoản điều chỉnh:	-	(235.474.414)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(235.474.414)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	577.823.268	750.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	385	500
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	385	500

Trình bày lại lãi trên cổ phiếu

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi dẫn đến thay đổi Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của năm trước như sau:

	Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)
Theo Báo cáo tài chính năm trước	985.474.414	657
Ảnh hưởng của việc trích quỹ KTPL	(235.474.414)	(157)
Số đã điều chỉnh	750.000.000	500

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2022.

7.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

Thông tin bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Cổ đông lớn (tỷ lệ vốn góp là 31%)
Công ty CP Bé tông ly tâm An Giang	Cổ đông lớn (tỷ lệ vốn góp là 26%)
HDQT, Ban Giám đốc, BKS, KTT	Quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Mua hàng	19.572.726	2.660.322.797
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Bán hàng	909.617.972	46.607.000
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Trả cổ tức	232.500.000	558.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Thanh lý TSCĐ	-	351.000.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Mua hàng	322.727.273	387.058.000
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Trả cổ tức	195.000.000	468.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Phải thu khách hàng	-	293.470.004
Công ty CP điện lực Khánh Hoà	Phải trả người bán	61.076.948	-
Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Phải thu khách hàng	-	386.100.000

Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Duy Cửu	Chủ tịch HĐQT	82.000.000	97.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên HĐQT	78.000.000	48.000.000
Ông Phạm Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	56.000.000	68.000.000
Bà Đào Thị Hồng Thịnh	Người Phụ trách quản trị	30.000.000	34.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	58.000.000	68.000.000
Ông Trịnh Giang Nam	Thành viên BKS	29.000.000	34.000.000
Bà Phan Thị Vân Hà	Thành viên BKS	29.000.000	34.000.000
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	355.947.184	351.636.695
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	248.275.072	218.541.129
Ông Võ Trị	Kế toán trưởng	250.624.326	225.014.206
Cộng		1.216.846.581	1.178.192.030

7.4 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty kinh doanh chủ yếu cột bê tông ly tâm và các dịch vụ liên quan tỉnh Khánh Hoà và một số địa bàn lân cận. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt trong năm 2022, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu bị ảnh hưởng bởi việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và được trình bày lại như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh

Mã số		Năm 2021	
		Trước khi phân loại lại	Sau khi phân loại lại
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	657	500

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết Loan

Kế toán trưởng

Võ Trí

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Phước Vĩnh Khải

